

Số 4168 /QĐ-ĐHSP

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Bộ chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 4 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 2424/QĐ-ĐHTN ngày 22 tháng 10 năm 2015 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định nhiệm vụ và quyền hạn của Đại học Thái Nguyên, các cơ sở giáo dục đại học thành viên và đơn vị trực thuộc;

Căn cứ Quyết định số 1131/QĐ-ĐHTN ngày 30 tháng 07 năm 2014 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-HĐT ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Trường Đại học Sư phạm ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm;

Căn cứ Kế hoạch số 781/KH-ĐHSP ngày 19 tháng 2 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm về việc Kế hoạch rà soát, cập nhật, điều chỉnh chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2021 của Trường Đại học Sư phạm;

Theo đề nghị của Trường phòng Phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Sư phạm (có Bộ chương trình đào tạo kèm theo).

Điều 2. Bộ chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Quyết định này áp dụng đào tạo từ khoá 29 trở đi.

Điều 3. Trường phòng Phòng Đào tạo, trường các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận: 

- ĐHTN (để b/c);
- Như Điều 3 (để t/h);
- Website Trường;
- Lưu: ĐT, VT (3).

HIỆU TRƯỞNG


PGS.TS Mai Xuân Trường

DANH SÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

(Kèm theo Quyết định số: 4468 /QĐ-ĐHSP, ngày 15 tháng 10 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm).

1. Chương trình đào tạo thạc sĩ Toán giải tích
2. Chương trình đào tạo thạc sĩ Đại số và lý thuyết số
3. Chương trình đào tạo thạc sĩ LL&PPDH bộ môn Toán
4. Chương trình đào tạo thạc sĩ Hóa vô cơ
5. Chương trình đào tạo thạc sĩ Hóa hữu cơ
6. Chương trình đào tạo thạc sĩ Hóa phân tích
7. Chương trình đào tạo thạc sĩ Di truyền học
8. Chương trình đào tạo thạc sĩ Sinh học thực nghiệm
9. Chương trình đào tạo thạc sĩ Sinh thái học
10. Chương trình đào tạo thạc sĩ LL&PPDH BM Sinh học
11. Chương trình đào tạo thạc sĩ LL&PPDH BM Văn-T. Việt
12. Chương trình đào tạo thạc sĩ Văn học Việt Nam
13. Chương trình đào tạo thạc sĩ Ngôn ngữ Việt Nam
14. Chương trình đào tạo thạc sĩ Lịch sử Việt Nam
15. Chương trình đào tạo thạc sĩ Địa lý tự nhiên
16. Chương trình đào tạo thạc sĩ Địa lý học
17. Chương trình đào tạo thạc sĩ LL&PPDH BM Địa lý
18. Chương trình đào tạo thạc sĩ Quản Lý giáo dục
19. Chương trình đào tạo thạc sĩ Giáo dục học (Giáo dục Mầm non)
20. Chương trình đào tạo thạc sĩ Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)
21. Chương trình đào tạo thạc sĩ LL&PPDH BM Giáo dục thể chất
22. Chương trình đào tạo thạc sĩ LL&PPDH BM Lý luận chính trị
23. Chương trình đào tạo thạc sĩ LL&PPDH BM tiếng Anh
24. Chương trình đào tạo thạc sĩ LL&PPDH bộ môn Vật lý
25. Chương trình đào tạo thạc sĩ Vật lý chất rắn

Danh sách gồm 25 chương trình đào tạo. 



7. Khung chương trình đào tạo

Số TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ					Mã số HP tiên quyết	Mã số HP học trước	Học kì dự kiến
				Số giờ lên lớp							
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành/thí nghiệm	Thảo luận/Seminar	Thực tế CM			
I	Kiến thức chung										
1	ENG651	Tiếng Anh	5	40	40	30	0	0			
2	PHI641	Triết học	4	45	10	10	10	0			
II	Kiến thức cơ sở và chuyên ngành										
	Khối kiến thức cơ sở										
	Các học phần bắt buộc										
1	MPH631	Toán cho vật lý	3	35	10	0	10	0			
2	AQM641	Cơ học lượng tử nâng cao	4	50	12	0	8	0			
3	MTM631	Những vấn đề hiện đại của lí luận và phương pháp dạy học vật lí	3	30	0	0	30	0			
	Các học phần tự chọn										
1	ASP621	Vật lý chất rắn nâng cao	2	20	10	0	10	0			
2	LTA621	Phép biến đổi laplace và ứng dụng	2	22	0	0	16	0			
3	RMP621	Phương pháp nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng	2	20	0	0	20	0			
4	UPC621	Sử dụng bài tập vật lí theo định hướng phát triển năng lực	2	20	10	0	10	0			

	<i>Khối kiến thức ngành</i>		9								
	<i>Các học phần bắt buộc</i>		5								
1	ETM631	Phương pháp và kỹ thuật thí nghiệm trong dạy học vật lý	3	30	5	20	5				
2	OAP621	Tổ chức hoạt động nhận thức cho học sinh trong dạy học vật lý ở trường phổ thông	2	20	0	0	20				
	<i>Các học phần tự chọn</i>		4								
1	IDT621	Tích hợp và phân hóa trong dạy học	2	20	10	0	10	0			
2	UDT621	Sử dụng phương tiện kỹ thuật số trong dạy học vật lý	2	20	0	10	10	0			
3	TPE621	Dạy học Vật lý bằng tiếng Anh	2	20	0	20	0	0			
4	STP621	Chiến lược dạy học vật lý ở trường phổ thông	2	20	0	0	20	0			
III	Chuyên đề		15								
1	TMP631	Đánh giá năng lực trong dạy học vật lý ở trường phổ thông	3	30	0	0	30	0			
2	TMP632	Viết bài báo khoa học giáo dục và công bố	3	30	15	0	15	0			
3	TMP633	Dạy học theo giáo dục STEM	3	30	20	0	10	0			
4	TMP634	Xây dựng và phát triển chương trình	3	30	15	0	15	0			
5	TMP635	Phân tích thông kê trong nghiên cứu khoa học giáo dục	3								

IV	Luận văn tốt nghiệp	13	30	15	0	15	0			
Tổng số		60								